

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 77/2022/HS-ST
Ngày: 27/01/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan;
Ông Lê Cát Tường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1991 tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân L, phường Đông T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T và bà Trương Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị B (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2021 đến ngày 13/5/2021 chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Lô 227.17, ngõ 293, đường Nguyễn T, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2020, Nguyễn Tuấn S và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 ở lô 227.17 ngõ 293, đường Nguyễn T, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa đã có quan hệ yêu đương với nhau. Do chị M đã có chồng, con nên đến tháng 11/2020, lo sợ bị gia đình phát hiện chị M đã nói với S muốn chấm dứt mối quan

hệ, nhưng S vẫn không đồng ý. Sau đó, S đã gọi điện, nhắn tin đe dọa chị và yêu cầu chị M đưa cho S số tiền 40.000.000 đồng nếu không S sẽ công khai mối quan hệ giữa S và chị M cho gia đình, người thân và cơ quan nơi chị M làm việc biết. Do lo sợ gia đình và người thân biết về mối quan hệ bất chính giữa mình và S nên ngày 29/12/2020, tại quán cafe Highland, khách sạn Phù Đ, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, chị M đã đưa cho S số tiền 40.000.000 đồng kèm theo bản cam kết do chị M soạn sẵn để Sơn ký vào với nội dung “Sau khi S nhận tiền thì sẽ không gây chuyện, không quấy rối, không làm ảnh hưởng tới danh sự và đời sống của chị M, kể từ ngày 19/12/2020 giữa S và chị M không liên quan gì đến nhau nữa”. Nhận tiền xong S đã ký vào bản cam kết. Sau đó, S vẫn có nhu cầu cần tiền chi tiêu cá nhân, nên ngày 05/5/2021, S sử dụng điện thoại Iphone 6 màu vàng gắn thẻ sim số 0948243636 tiếp tục nhắn tin, đe dọa, uy hiếp chị M với nội dung như trên và yêu cầu chị M phải tiếp tục đưa cho S số tiền 100.000.000 đồng. Vì lo sợ S sẽ công khai mối quan hệ nên chị M tiếp tục đưa tiền cho S. Sau khi có được 50.000.000 đồng, chị M gọi điện và hẹn đưa tiền cho S vào 8 giờ ngày 10/5/2021 tại quán cafe Higland Phù Đ, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa. Tại quán cafe chị M yêu cầu S ký và viết vào bản cam kết với nội dung “Tôi thề không dọa nạt, quấy rối, ép buộc bà M” và chị M đã giao số tiền 50.000.000 đồng cho S, số tiền 50.000.000 đồng còn lại chị M hẹn sẽ đưa sau cho S. S cầm tiền và đi ra sảnh trước sân quán cafe thì bị Công an thành phố Thanh Hóa bắt quả tang, thu giữ trên tay S số tiền 50.000.000 đồng (gồm 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), điện thoại Iphone 6 và bản cam kết do chị M cung cấp.

Tại Bản kết luận giám định số 2379/PC09 ngày 28/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định điện thoại di động Iphone 6 màu vàng thu giữ của S kết luận: Hiện tại phục hồi được 2 tin nhắn Facebook Mesenger, 450 tin nhắn Zalo trong điện thoại di động gửi giám định, được thể hiện trong phụ lục.

Tại Cơ quan điều tra, theo lời khai ban đầu của chị M, ngoài 02 lần S đe dọa, cưỡng đoạt chị M đưa tiền ngày 29/12/2020 và ngày 10/5/2021, Nguyễn Tuấn S còn đe dọa ép buộc chị M 9 lần đưa tiền khác cụ thể vào các ngày: 16/3/2021, 20/3/2021 (2 lần), 14/4/2021, 16/4/2021, 25/4/2021, 26/4/2021 (2 lần), 02/5/2021 được ghi chung trong bản cam kết ngày 10/5/2021. Quá trình điều tra S không thừa nhận đã ép buộc chị M những lần này, đồng thời chị M thay đổi lời khai và khai báo những lần còn lại là chị cho S vay tiền hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hoặc đe dọa gì. Ngoài lời khai của chị M thì không có căn cứ để chứng minh 09 lần đưa tiền trên cho Sơn chị M bị đe dọa. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý S về hành vi cưỡng đoạt tài sản của 09 lần nhận tiền này.

Với nội dung nêu trên, bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 22/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn S về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ phương tiện phạm tội của bị cáo là chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tuấn S khai nhận: Do cần tiền để trả nợ và ăn tiêu cá nhân, Nguyễn Tuấn S đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm trước đây giữa mình với chị Nguyễn Thị M nên đã sử dụng điện thoại nhắn tin và đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với chị Nguyễn Thị M mục đích để chiếm đoạt số tiền 140.000.000 đồng. Ngày 29/12/2020, chị M đưa cho S số tiền 40.000.000 đồng, ngày 10/5/2021 chị M mới đưa cho S được 50.000.000 đồng tại quán cafe Higland Phù Đ, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội danh

và khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý với mục đích tư lợi, vì vậy cần phải xử lý nghiêm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2021, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động đến gia đình và mẹ bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo, bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Hai bên đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử công nhận phần bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, là công cụ phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định của khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn S 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 10/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng : Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu vàng.

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 57/2022/THA ngày 20/01/2022.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

